TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN T** **TỈNH BÌNH THUẬN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc.**

Bản án số: **61**/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 18/8/2023
V/v:"Ly hôn, nuôi con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T-TỈNH BÌNH THUẬN

Với thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Bà Huỳnh Hải Âu

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông: Nguyễn Trọng Di – Giáo viên hưu trí.

Bà: Nguyễn Thị Bích Lam – Giáo viên hưu trí.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Bích Ngà - Kiểm sát viên.

- Thư ký phiên toà: Ông Hán Tấn Tiến - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T.

Ngày 18 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 79/2023/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 3 năm 2023 về việc: *"Ly hôn, nuôi con chung"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 52/2023/QĐST-HNGĐ ngày 13 tháng 7 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 52 ngày 01 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Phạm Thị Ngọc D, sinh năm 1977

Địa chỉ: Thôn 02, xã P, huyện T, tỉnh Bình Thuận.

- Bị đơn: Ông Trần Văn C, sinh năm 1980

Địa chỉ: Thôn 02, xã P, huyện T, tỉnh Bình Thuận.

Tại phiên tòa có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, biên bản lấy lời khai của đương sự cũng như tại phiên tòa nguyên đơn bà Phạm Thị Ngọc D trình bày:*

- *Về hôn nhân*: Bà và Trần Văn C tự nguyện tìm hiểu yêu thương nhau rồi chung sống và đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã P, huyện T, tỉnh Bình

Thuận vào năm 2008 (theo giấy chứng nhận kết hôn số: 69, quyển số: 01 ngày 29/7/2008 của Uỷ ban nhân dân xã P, huyện T). Sau khi kết hôn vợ chồng bà sinh sống tại nhà chồng thuộc thôn 02, xã P, huyện T, tỉnh Bình Thuận. Tuy nhiên cuộc sống vợ chồng bà không hạnh phúc, thường hay bất đồng quan điểm, không tìm được tiếng nói chung, những khi vợ chồng tranh cải thì ông C hay đập phá đồ đạc trong nhà. Cuộc sống vợ chồng có sự mâu thuẫn trầm trọng kéo dài nhiều năm, đến năm 2022 ông C bỏ vào Thành phố Hồ Chí Minh sống, ít khi trở về nhà, không còn quan tâm đến bà và các con. Bà có liên lạc yêu cầu ông C về để giải quyết ly hôn nhưng ông không về.

Nay, bà nhận thấy cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc, vợ chồng không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu ly hôn với ông Trần Văn C.

- *Về con chung*: Bà Phạm Thị Ngọc D và ông Trần Văn C có 02 người con chung tên Trần Anh V, sinh ngày 05 tháng 01 năm 2009 và Trần Anh V1, sinh ngày 06 tháng 8 năm 2013. Hiện 02 người con chung bà đang nuôi dưỡng. Khi ly hôn bà yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục 02 con chung cho đến khi trưởng thành, không yêu cầu ông Trần Văn C cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản*: Bà Phạm Thị Ngọc D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nợ chung:* Bà Phạm Thị Ngọc D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Bị đơn ông Trần Văn C không có mặt ở địa phương nên không tiến hành hòa giải được.*

** Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ttại phiên tòa:*

Về việc kiểm sát tuân theo pháp luật, thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án tuân theo đúng các quy định của pháp luật.

Về nội dung: Xét yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn; Đề nghị giao 02 người con chung tên Trần Anh V và Trần Anh V1cho nguyên đơn tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi trưởng thành; Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung và nợ chung: nguyên đơn không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa cũng như căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa; ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Bà Phạm Thị Ngọc D khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Trần Văn C và tranh chấp nuôi con chung. Đây là vụ kiện "ly hôn, tranh chấp nuôi con chung" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn có địa chỉ đăng ký thường trú tại xã P, huyện T, tỉnh Bình Thuận nên thuộc thẩm quyền của Tòa án

nhân dân huyện T, tỉnh Bình Thuận theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ Luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Do bị đơn không có mặt ở địa phương và không rõ thời điểm trở về nên Tòa án tiến hành lập biên bản và niêm yết các văn bản tố tụng đúng theo quy định tại Điều 177, Điều 179 Bộ Luật tố tụng dân sự và tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về pháp luật được áp dụng để giải quyết: Bà Phạm Thị Ngọc D và ông Trần Văn C xác lập quan hệ vợ chồng trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào năm 2008 tại Uỷ ban nhân dân xã P, huyện T, tỉnh Bình Thuận nên là hôn nhân hợp pháp. Vì vậy, căn cứ Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 để giải quyết.

[4] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị Ngọc D:

- *Về hôn nhân*: Bà Phạm Thị Ngọc D yêu cầu ly hôn với ông Trần Văn C với lý do cuộc sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn trong thời gian dài, nguyên nhân từ việc bất đồng quan điểm sống; Bà D và ông C không còn chung sống trong thời gian dài, không còn quan tâm chăm sóc, giúp đỡ nhau. Xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa bà D và ông C phù hợp với lời khai của mẹ ruột ông Trần Văn C và biên bản xác minh tại địa phương, chứng tỏ tình nghĩa vợ chồng giữa bà D và ông C không còn. Như vậy, tình trạng hôn nhân của bà Phạm Thị Ngọc D và ông Trần Văn C đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Để đảm bảo quyền lợi của các đương sự và ổn định cuộc sống cho các bên, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn.

- *Về con chung*: Bà Phạm Thị Ngọc D và ông Trần Văn C có 02 người con chung tên Trần Anh V, sinh ngày 05 tháng 01 năm 2009 và Trần Anh V1, sinh ngày 06 tháng 8 năm 2013. Bà D yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng 02 con chung cho đến khi các con đủ 18 tuổi.

Tòa án đã tiến hành lấy lời khai của 02 người con chung, ý kiến cháu Trần Anh V và Trần Anh V1 đều mong muốn được ở với mẹ (bà Phạm Thị Ngọc D). Hội đồng xét xử thấy rằng từ khi bà Phạm Thị Ngọc D và Trần Văn C không còn sống chung cho đến nay, bà D là người trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung và hiện nay cuộc sống của 02 cháu đang ổn định. Vì vậy, căn cứ vào khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà D, giao 02 người con chung tên Trần Anh V và Trần Anh V1 cho bà D tiếp tục nuôi dưỡng cho đến khi các con đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Phạm Thị Ngọc D không yêu cầu ông Trần Văn C cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

Ông Trần Văn C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở theo quy định tại Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- *Về tài sản và nợ chung:* trong quá trình giải quyết nguyên đơn không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[5] Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T đề nghị phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên có căn cứ chấp nhận.

[6] Về án phí: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ Luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bà Phạm Thị Ngọc D là người có yêu cầu ly hôn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 273 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn bà Phạm Thị Ngọc D. Bà Phạm Thị Ngọc D được ly hôn với ông Trần Văn C.

2/ Về con chung: Giao 02 con chung tên Trần Anh V(sinh ngày 05 tháng 01 năm 2009) và Trần Anh V1(sinh ngày 06 tháng 8 năm 2013) cho bà Phạm Thị Ngọc D tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các con đủ 18 tuổi.

Bà Phạm Thị Ngọc D không yêu cầu ông Trần Văn C cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

Ông Trần Văn C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3/ Về án phí: Bà Phạm Thị Ngọc D phải nộp 300.000đồng *(ba trăm nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm về việc giải quyết ly hôn. Bà Phạm Thị Ngọc D đã nộp 300.000đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm tại biên lai thu số 0012193 ngày 23 tháng 3 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T nên tiền án phí bà Phạm Thị Ngọc D đã nộp đủ.

4/ Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn bà Phạm Thị Ngọc D được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (18/8/2023). Đối với bị đơn ông Trần Văn C vắng mặt tại phiên tòa có quyền

kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được cấp, tống đạt hợp lệ theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014), thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014)./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện T;
- TAND tỉnh Bình Thuận;
- Chi cục THADS huyện T;
- UBND xã Phước Thể;
- Lưu: Hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Hải Âu